

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29/3/2022

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Sang;  
2. Bà Thi Thị Thanh Trúc;

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huê – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thòn, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2021/TB-TLVA ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Túy Ph, sinh 1985 (*có mặt*);

Địa chỉ: ấp Ngãi L, xã Hưng M, huyện Châu Th, tỉnh Trà V.

*- Bị đơn:* Nguyễn Văn H, sinh 1978 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: ấp Ngãi L, xã Hưng M, huyện Châu Th, tỉnh Trà V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2021 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Túy Ph trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Túy Ph với anh Nguyễn Văn H quen biết nhau vào năm 2000 và tự nguyện tiến tới sống chung vợ chồng và không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới sống bên gia đình chồng ở ấp Ngãi L, xã Hưng M, huyện Châu Th, tỉnh Trà V. Thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2018 bắt đầu mâu thuẫn vợ chồng; ông Hải thường xuyên uống rượu, về nhà la mắng, gây nhiều mâu thuẫn vợ chồng, không còn tôn trọng nhau và chị Phượng bỏ nhà đi làm cho đến nay;

Nay tình cảm không còn nên chị Phượng yêu cầu:

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Túy Ph yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H;

+ Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh 2002 đã trưởng thành;

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có;

- Tại bản khai ngày 25 tháng 3 năm 2021 bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Anh Nguyễn Văn H thừa nhận có kết hôn với chị Nguyễn Thị Túy Ph vào ngày 20/02/2001 và có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh 2002; về tài sản chung không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Thị Túy Ph vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Bị đơn Nguyễn Văn H vắng mặt, mặc dù Tòa án tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tham gia phiên tòa. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại các phiên hòa giải anh H vắng mặt không lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải vụ án và quyết định đưa ra xét xử.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án là đúng quan hệ pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của đương sự, của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cả hai không còn quan tâm, yêu thương nhau, quan hệ hôn nhân không đạt được, hiện cả hai sống ly thân, từ khi chị Phượng xin ly hôn anh Hải bỏ mặc, không muốn đoàn tụ. Do anh Hải chị Phượng không đăng ký kết hôn nên không công nhận anh Hải, chị Phượng là vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “ Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn Hải đã được Tòa án Triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Túy Ph với anh Nguyễn H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; do đó hôn nhân của của anh H, chị Ph là không hợp pháp. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên từ đó dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng; chị Ph, anh H bỏ đi làm ăn và sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Ph kiên quyết xin ly hôn, anh H vắng mặt; anh H không tạo điều kiện để đoàn tụ gia đình và không có ý kiến phản bác lại yêu cầu ly hôn của chị Ph, anh H không quan tâm đến tình cảm vợ chồng, bỏ mặc hậu quả xảy ra. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; từ đó căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Túy Ph là vợ chồng.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh 2002 đã trưởng thành, có quyền có cuộc sống riêng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ph xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 53, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về án phí và lệ phí của Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Túy Ph là vợ chồng.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh 2002 đã trưởng thành, có quyền có cuộc sống riêng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ph xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Ph phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004721 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a,7b và điều 9 luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**Nguyễn Thanh Tuấn**

